

Bản án số: 62/2019/HS-ST

Ngày 22- 11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khánh

Ông Nguyễn Việt Ngọc

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HS ngày 07/11/2019 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Phan Thủy T**, sinh năm 1978; giới tính: Nữ; tên gọi khác: H; nơi cư trú: Số nhà 187, đường M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; con ông: Phan Đình C, sinh năm 1935 và bà: Đỗ Thị C, sinh năm 1936; gia đình có 08 anh em, bị cáo là thứ tám; có chồng: Đào Duy T, sinh năm 1978; có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 424/2014/HSST ngày 21/10/2014 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 16 tháng, kể từ ngày 20/10/2014; phạt bổ sung 04 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Chấp hành xong án phí, tiền phạt ngày 24/12/2014.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2- Họ và tên: **Trần Văn U**, sinh năm 1971; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà 11C, đường T, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; con ông: Trần Văn N, sinh năm 1937 (đã chết) và bà: Trương Thị N sinh năm 1938; gia đình có 08 anh em, bị cáo là thứ sáu; có vợ: Giáp Thị L, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2002; tiền sự: Không;

Nhân thân: + Bản án số 31/1991/HSST ngày 20/6/1991 của TAND thị xã B, tỉnh Hà Bắc xử phạt U 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là 24 tháng;

+ Bản án số 50/1992/HSST ngày 16/10/1992 của TAND thị xã B, tỉnh Hà Bắc xử phạt U 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với 08 tháng tù của Bản án số 31/1991/HSST ngày 20/6/1991, buộc U phải chấp chung cho 02 bản án là 03 năm 8 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/1992;

+ Bản án số 45/1996/HSST ngày 20/3/1996 của TAND tỉnh Hà Bắc xử phạt U 5 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/1995;

Tiền án: Bản án số 85/2012/HSST ngày 16/11/2012 của TAND thị xã C, tỉnh Hải Dương xử phạt U 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điều h Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2018.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thủy T:*

Luật sư Giáp Thị V – Văn phòng luật sư K – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Địa chỉ: Số 99, đường H, phường N, thành phố B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Giáp Thị L, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 11C, đường T, phường M, thành phố B

2. Phan Đình C, sinh năm 1935. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 13, ngõ 25, đường Y, tổ 1, phường M, thành phố B.

3. Đặng Đức T, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Đào Duy T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Cao Xuân T, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6. Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 2, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Đỗ Đức T, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Hoàng M N, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 35 phút ngày 29/5/2019, tại khu vực công dự án Bệnh viện đa khoa 800 giường thuộc thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công thành phố B, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Trần Văn U, sinh năm 1971, trú tại số nhà 11C, đường Thân Nhân T, phường M, thành phố B về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ tại nền đất cạnh vị trí Trần Văn U đứng do U thả từ tay trái xuống đất: 01 gói giấy màu trắng mặt ngoài có dòng kẻ, mặt trong có chữ, bên trong đựng 02 (hai) gói giấy, trong đó 01 (một) gói giấy bạc, hai mặt đều màu trắng bạc, bên trong đựng chất cục bột màu trắng và 01 (một) gói giấy màu trắng, hai mặt đều có dòng kẻ, bên trong đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy heroine. Tất cả được niêm phong trong phong bì dán kín.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của U 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 giấy chứng M nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Trần Văn U; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B1-285.91 mang tên Nguyễn Ngọc M; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng, đen, đỏ, biển kiểm soát 98B1-285.91; số tiền 7.050.000 đồng; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Xuân C có biển số đăng ký 98N8-5262; 01 kính râm gọng tằm. (BL96-97; 100).

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn U, thu giữ tại bậc tam cấp ngăn giữa cầu thang với phòng khách tầng 1: 01 (một) hộp nhựa màu trắng có nắp đậy, bên ngoài quấn băng dính màu đen, bên trong đựng 08 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX1"; 01 (một) hộp nhựa có dán mác XYLITOL có nắp đậy, có dán một đoạn băng dính màu đen, bên trong đựng 02 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine; 01 (một) gói giấy

bạc, hai mặt màu trắng bạc bên trong đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX2"; 02 (hai) dao bấm; 01 cân điện tử; 01 hộp dao lam đựng 03 chiếc; 01 hộp nhựa màu trắng, bên trong đựng 10 mảnh giấy bạc hai mặt màu trắng bạc. (BL43-44; 102).

Sau khi bị bắt giữ, Trần Văn U khai nhận nguồn gốc số ma túy Heroine nêu trên U mua của Phan Thủy T (tức H), sinh năm 1978, trú tại số 187, đường M, phường M, thành phố B vào tối ngày 27/5/2019, với giá 800.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của U, hồi 17 giờ cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Thủy T ở số 187 đường M, phường M, thành phố B thu giữ: số tiền 145.000.000 đồng; 01 chứng M nhân dân mang tên Phan Thủy T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 điện thoại di động Sam Sung màu vàng; 01 điện thoại Nokia màu xanh đen; 01 điện thoại màu đen trắng; 01 điện thoại di động màu xanh đen. Hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày, tiến hành khám xét nhà ông Phan Đình C và bà Đỗ Thị C là bố mẹ đẻ của T ở số 13, Ngõ 25, đường Y Tế, Tổ 1, phường M, thành phố B thu giữ trong hòm tôn đẽ trong góc buồng ngủ 01 túi xách tay màu vàng có khóa kéo, bên trong có 01 một túi ni lon màu xám bên trong đựng 02 gói giấy báo, trong đó 01 gói đựng 04 túi ni lon màu trắng được hàn kín, bên trong mỗi túi đều đựng chất cục bột màu trắng và 01 gói đựng 11 túi ni lon màu trắng được hàn kín, bên trong mỗi túi đựng chất cục bột màu trắng nghi là Heroine. Tất cả được niêm phong trong phong bì, có ký hiệu "Huệ 01"; 01 túi ni lon đựng 29 vỏ túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa viền đỏ; 01 túi ni lon đựng 20 vỏ túi nhựa màu trắng hở một đầu; 01 bật lửa ga; 01 dao lam; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 944951 và số BP 823 178 mang tên Đặng Đức T và Phan Thủy T và một số giấy tờ khác. Hồi 23 giờ cùng ngày, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Thủy T.

Tại Kết luận giám định số 926/KL-KTHS ngày 03/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

**** Trong 01 phong bì đã được niêm phong gửi giám định:***

- Trong 01 (một) gói giấy màu trắng mặt ngoài có dòng kẻ, mặt trong có chữ:

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc, hai mặt đều màu trắng bạc là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,098 gam;

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy màu trắng, hai mặt đều có dòng kẻ là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,042 gam;

**** Trong 01 phong bì ký hiệu "KX01" đã được niêm phong gửi giám định:***

Trong 01 (một) lọ nhựa màu trắng có nắp đậy, bên ngoài được quấn băng dính màu đen: Chất cục bột màu trắng đựng trong 08 (tám) gói giấy màu trắng có dòng kẻ đều là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,324gam;

****Trong 01 phong bì ký hiệu "KX02" đã được niêm phong gửi giám định:***

Trong 01 (một) lọ nhựa màu trắng dán nhãn chữ XYLITOL có nắp đậy, bên ngoài dán một đoạn băng dính màu đen:

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 (hai) gói giấy màu trắng có dòng kẻ đều là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,145gam;

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc, hai mặt đều trắng bạc là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,090 gam. (BL83-84).

Tại Kết luận giám định số 934/KL-KTHS ngày 04/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

****Trong 01 phong bì ký hiệu "Huệ 01" đã được niêm phong gửi giám định:***

- Trong 01 (một) túi ni lon màu xám:

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 04 (bốn) túi ni lon màu trắng đều được hàn kín, được gói trong 01 (một) gói giấy báo đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 151,071 gam;

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 11 (mười một) túi ni lon màu trắng đều được hàn kín, được gói trong 01 (một) gói giấy báo đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 35,275 gam. (BL87).

Tại Kết luận giám định số 3502/C09-TT2 ngày 29/6/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Hàm lượng Heroine trung bình trong mẫu chất bột màu trắng trong 04 (bốn) túi ni lon gửi giám định là 78,6%. Hàm lượng Heroine trung bình trong mẫu chất bột màu trắng trong 11 (mười một) túi ni lon gửi giám định là 78,5%. (BL89).

Quá trình điều tra, Phan Thủy T và Trần Văn U khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng buổi trưa ngày 23/5/2019, Phan Thủy T gặp một người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi giới thiệu tên là M tại quán nước khu vực cửa ga Bắc Giang. Tại đây, M nói với T là M có ma túy Heroine bán và hỏi T có mua ma túy về bán không, T đồng ý và nói chỉ có 15 triệu đồng. M hẹn T khoảng 21 giờ ngày hôm sau (24/5/2019) gặp nhau giao dịch mua bán tại khu vực cửa ga Bắc Giang.

Khoảng 21 giờ ngày 24/5/2019, T một mình đem theo 15 triệu đồng đến nơi hẹn thì gặp M ở đó, tại đây T đưa cho M 15 triệu đồng và được M đưa cho 01 túi ni lon màu đen đựng ma túy Heroine. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà bố mẹ đẻ là ông Phan Đình C và bà Đỗ Thị C ở số 13, ngõ 25, đường Y Tế, Tổ 1, phường

M, thành phố B. Khi về đến nơi, T không thấy ai ở nhà, nên đem túi ma túy vừa mua được vào phòng ngủ của bố mẹ, mở ra kiểm tra thấy bên trong có 04 túi ni lon to và 11 túi ni lon nhỏ, bên trong mỗi túi đều đựng ma túy Heroine. Sau đó, T lấy tờ giấy báo có sẵn trong phòng gói thành 2 gói (01 gói có 4 túi ma túy to và 01 gói có 11 túi ma túy nhỏ) rồi cho vào túi ni lon màu xám, đút vào túi xách tay màu vàng và cất giấu vào trong hòm tôn của T để ở đó.

Khoảng 19 giờ ngày 27/5/2019, T đang ở nhà số 187 đường M, phường M, thành phố B thì nhận được điện thoại của Trần Văn U, sinh năm 1971 trú tại số 11C, đường Thân Nhân T, phường M, thành phố B hỏi mua 800.000 đồng ma túy Heroine. T đồng ý và hẹn gặp nhau giao dịch mua bán tại khu vực đường tàu gần nhà bố mẹ đẻ T. Sau đó, T một mình đi bộ đến nhà bố mẹ đẻ lấy một ít ma túy Heroine từ số ma túy mua của M ra cho vào một túi ni lon màu trắng dùng bật lửa hàn kín lại rồi đem ra chỗ hẹn bán cho U rồi đi về. Sau khi mua được số ma túy trên, U đem về phòng vệ sinh ở tầng 1 nhà U, dùng dao lam chia thành hơn 10 phần, rồi dùng giấy bạc và giấy trắng có dòng kẻ gói từng phần lại, cho vào 02 lọ nhựa quăn, dán băng dính màu đen bên ngoài và để ở bậc tam cấp ngăn giữa cầu thang với phòng khách tầng 1 với mục đích để sử dụng dần. Đến khoảng hơn 11 giờ ngày 29/5/2019, U lấy 02 gói ma túy trong 02 lọ nhựa trên ra gói vào một mảnh giấy có chữ và dòng kẻ cầm trên tay rồi đi xe mô tô Wave RSX, biển kiểm soát 98B1-285.91 ra khu vực dự án Bệnh viện đa khoa 800 giường thuộc thôn M, xã T, thành phố B để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ 02 gói ma túy trên. Số ma túy còn lại Cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám xét nhà U và khám xét nhà T như đã nêu ở trên.

Đối với người đàn ông tên M, T mới quen và không biết địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Đối với ông Phan Đình C và bà Đỗ Thị C, quá trình điều tra xác định ông Chương và bà Chế không biết T cất giấu ma túy trong hòm tôn để trong phòng ngủ của ông bà nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về số tiền 145 triệu đồng Cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của T, quá trình điều tra xác định số tiền trên là của anh Cao Xuân T, sinh năm 1964 trú tại thôn M, xã T, thành phố B là em họ của Đào Duy T, sinh năm 1978 (chồng T) đưa cho Tân nhờ mua đất hộ, không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Vì vậy, ngày 22/7/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Đào Duy T, người được anh T ủy quyền nhận số tiền trên.

Về 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 98N8-5262 mang tên Đỗ Xuân C, sinh năm 1977 trú tại thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt U. Quá trình điều tra xác định ngày 25/5/2019 anh C bị rơi

và U là người nhặt được ở khu vực đầu cầu Bắc Giang nên ngày 30/9/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đỗ Xuân C giấy đăng ký xe này.

Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu trắng, đen, đỏ, biển kiểm soát 98B1-285.91 cùng giấy đăng ký của xe mang tên Nguyễn Ngọc M thu giữ khi bắt giữ Trần Văn U. Qua điều tra xác định chiếc xe trên là chị Giáp Thị Lụa U mua của một người đàn ông không quen biết tại thành phố B cách đây 3 đến 4 năm, với giá 12 triệu đồng, khi mua không làm giấy tờ mua bán thể hiện. Ông Nguyễn M Ngọc khai mua xe mô tô trên cuối năm 2011 và khoảng 6 tháng sau ông đã bán cho người đàn ông không quen biết, khi bán không làm giấy tờ mua bán xe.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS-P1 ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Phan Thủy T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố bị cáo Trần Văn U về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phan Thủy T và Trần Văn U đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ ngU cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thủy T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị cáo Trần Văn U phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng Điểm b Khoản 4 và khoản 5 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Phạm Thủy T 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 29/5/2019. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 và Khoản 5 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn U từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Luật sư Giáp Thị V phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo T: Hoàn toàn đồng ý về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T để xử phạt bị cáo 18 năm tù vì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, một mình nuôi 03 con nhỏ, bố mẹ già.

Bị cáo T đồng ý với bài bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo U không có ý kiến gì về quan điểm của Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát tranh luận: Căn cứ vào quy định của pháp luật, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên không có căn cứ áp

dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới khung, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ. Bị cáo U đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

Người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do tuy nhiên họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn U thừa nhận số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bị bắt quả tang, bị cáo Phan Thủy T thừa nhận số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám xét nhà, xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phan Thủy T đã thực hiện hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và Trần Văn U đã thực hiện hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với diễn biến tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 24/5/2019, Phan Thủy T, sinh năm 1978, trú tại số 187, đường M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã mua 187,045 gam ma túy Heroine của một người đàn ông tên M ở khu vực cửa ga Bắc Giang, với giá 15 triệu đồng. Sau đó, T đem số ma túy trên về nhà ông Phan Đình C và bà Đỗ Thị C là bố mẹ đẻ của T ở số 13, ngõ 25, đường Y Tế, Tổ 1, phường M, thành phố B cất giấu trong hòm tôn của T để trong phòng ngủ của ông Chương, bà Chế. Đến buổi tối ngày 27/5/2019, T lấy ra 0,699 gam Heroine từ số ma túy trên ra bán cho Trần Văn U, sinh năm 1971, trú tại số 11C, đường T, phường M, thành phố B, với giá 800.000 đồng. Sau khi mua được số ma túy trên, U đem về nhà chia nhỏ gói vào gói giấy bạc và gói giấy có dòng kẻ cho vào 02 lọ nhựa để ở bậc tam cấp ngăn giữa cầu thang với phòng khách tầng 1 với mục đích sử dụng dần. Khoảng hơn 11 giờ ngày 29/5/2019, U lấy từ trong 02 lọ nhựa trên ra 02 gói ma túy cầm ở tay rồi đi xe mô tô đến khu vực công trình dự án Bệnh viện đa khoa 800 giường thuộc thôn M, xã T, thành phố B để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang. Số

ma túy Heroine còn lại, Cơ quan điều tra đã thu giữ khi tiến hành khám xét nơi ở của Trần Văn U và Phan Thủy T ngày 29/5/2019.

Như vậy, tổng khối lượng ma túy Heroine Phan Thủy T phải chịu trách nhiệm hình sự là 187,045 gam; Trần Văn U phải chịu trách nhiệm hình sự là 0,699 gam.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc của con người. Sử dụng trái phép chất ma túy có thể dẫn đến chết người, làm lây truyền căn bệnh thể kỷ HIV-AIDS.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phan Thủy T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015; bị cáo Trần Văn U phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, bản cáo trạng số 40/CT-VKS-P1 ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng ng- ời, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo T đã bị xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách là 16 tháng, kể từ ngày 20/10/2014 tại bản án số 424/2014/HSST ngày 21/10/2014 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo U: + Bản án số 31/1991/HSST ngày 20/6/1991 của TAND thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc xử phạt U 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là 24 tháng; + Bản án số 50/1992/HSST ngày 16/10/1992 của TAND thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc xử phạt U 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với 08 tháng tù của Bản án số 31/1991/HSST ngày 20/6/1991, buộc U phải chấp chung cho 02 bản án là 03 năm 8 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/1992; + Bản án số 45/1996/HSST ngày 20/3/1996 của TAND tỉnh Hà Bắc xử phạt U 5 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/1995;

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Trần Văn U đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị cáo Phan Thủy T và Trần Văn U thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, để giáo dục

riêng đối với các bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm về ma túy nói chung.

Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo 18 năm tù là không có căn cứ vì bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, không đủ căn cứ áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

Hình phạt bổ sung: cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm M của pháp luật.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên M,T mới quen và không biết địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Đối với ông Phan Đình C và bà Đỗ Thị C, quá trình điều tra xác định ông Chương và bà Chế không biết T cất giấu ma túy trong hòm tôn để trong phòng ngủ của ông bà nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: **Số ma túy thu giữ là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.**

- Về 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, đen thu giữ của Phan Thủy T là phương tiện bị các cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu trắng, đen, đỏ, biển kiểm soát 98B1-285.91 cùng giấy đăng ký của xe mang tên Nguyễn Ngọc M thu giữ khi bắt giữ Trần Văn U. Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn M Ngọc người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe trên mua xe vào khoảng thời gian cuối năm 2011 và khoảng 6 tháng sau đã bán cho người đàn ông không quen biết, khi bán không làm giấy tờ mua bán. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Chị Giáp Thị L vợ của bị cáo U khai cách đây khoảng 3-4 năm của một người đàn ông không quen biết tại thành phố B, với giá 12 triệu đồng, khi mua không làm giấy tờ mua bán thể hiện; việc mua xe diễn ra trong thời gian U đi chấp hành án; chị không biết U sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần trả lại xe và giấy tờ của xe cho chị Giáp Thị L.

- Về số tiền 7.050.000đ; 01 (một) ví da màu đen bên trong có: 01 (một) giấy chứng M nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe đều mang tên Trần Văn U và 01 (một) kính râm gọng tam đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn U. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ số tiền 7.050.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Về 01 (một) giấy chứng M nhân dân mang tên Phan Thủy T; 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh, đen; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng; 01 điện thoại di động Sam Sung màu vàng; 01 điện thoại di động màu đen, trắng; 01 (một) bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 271 tờ bản đồ số 10; 01 (một)

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA944951 và 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP823178 đều mang tên Đặng Đức T và Phan Thủy T; 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô số NH0141/2017/HĐMB ngày 13/02/2017; 01 (một) biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ xe ô tô BKS: 30E – 286.78; 01 (một) hóa đơn GTGT; 01 (một) bản sao hóa đơn giá trị gia tăng và 01 (một) phong bì dán kín niêm phong bằng dấu đỏ của Công an phường Trần Phú, thành phố B và chữ ký của những người tham gia niêm phong, bên trong chứa 01 (một) vòng kim loại màu vàng. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Phan Thủy T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Trần Văn U phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm b Khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 135, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thủy T **20 năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 29/5/2019. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 và Khoản 5 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 135, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn U **02 năm 06 tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 29/5/2019. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[2] Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy:

1- 01 (một) phong bì thư được dán kín, niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang có chữ ký cùng tên của Phạm Hữu N, Lê Ngọc C, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

2- 01 (một) phong bì ký hiệu “KX01” niêm phong bằng dấu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Phạm Hữu N, Lê Ngọc C, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

3- 01 (một) phong bì được dán kín ký hiệu “KX02” niêm phong bằng dấu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Phạm Hữu N, Lê Ngọc C, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

4- 01 (một) phong bì dán kín ký hiệu “số 3502/C09(TT2)” được niêm phong bằng dấu đỏ của Viện khoa học kỹ thuật hình sự, Bộ Công an có chữ ký cùng tên của Đinh Thị T và Hoàng Văn T, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

5- 01 (một) dao bấm có chuôi ốp màu đồng; 01 (một) dao bấm có chuôi màu đen; 01 (một) cân điện tử màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 (một) hộp dao lam đựng 03 (ba) chiếc và 01 (một) hộp nhựa màu trắng bên trong đựng 10 (mười) mảnh giấy bạc và 01 (một) ví da màu đen.

6- 01 (một) túi xách màu vàng có khóa kéo; 01 (một) túi nilon đựng 29 (hai mươi chín) vỏ túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa viền đỏ; 01 (một) túi nilon đựng 20 (hai mươi) vỏ túi nilon màu trắng hở một đầu; 02 (hai) bật lửa gas; 01 (một) dao lam.

+ **Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng có số Imei1: 355850093214574 và Imei2: 355850098214579; 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh, đen có số Imei1: 358885075077489 và Imei2: 358885075077497, máy đã qua sử dụng.

+ **Trả lại cho bị cáo Trần Văn U:** Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 7.050.000 đồng; 01 (một) giấy chứng M nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe đều mang tên Trần Văn U; 01 (một) kính râm gọng tằm đã qua sử dụng. Nhưng tạm giữ số tiền 7.050.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

+ **Trả lại cho Phan Thủy T:** 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh, đen có số Imei: 358902077337363, máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng có số Imei: 352976094597049, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 điện thoại Sam Sung màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng có số Imei1: 354737082454348 và số Imei2: 354738082454346; 01 điện thoại di động màu đen, trắng có số Imei1: 355420690134557 và số Imei2: 355420690134565. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ **Trả lại cho Phan Thủy T:** 01 (một) giấy chứng M nhân dân mang tên Phan Thủy T; 01 (một) bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 271 tờ bản đồ số 10; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Đức T và Phan Thủy T, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (số BA944951); 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Đức T và Phan Thủy T, thửa đất số 410, tờ bản đồ số 44 (số BP823178); 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô số NH0141/2017/HĐMB ngày 13/02/2017 giữa bên bán là Công ty cổ phần xây dựng và vật tư thiết bị với bên mua Nguyễn Văn C; 01 (một) biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ xe ô tô có BKS: 30E. 286-78; 01 (một) bản sao hóa đơn giá trị gia

tăng mã số thuế: 4000779880 và 01 (một) phong bì dán kín niêm phong bằng dấu đỏ của Công an phường T, thành phố B và chữ ký của những người tham gia niêm phong, bên trong chứa 01 (một) vòng kim loại màu vàng.

+ **Trả lại cho chị Giáp Thị L:** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng, đen, đỏ, có biển kiểm soát 98B1.285-91, xe đã qua sử dụng, chất lượng không kiểm tra, có số khung: RLHJC4328BY418990, số máy: JC:43E 6366679; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Ngọc M, biển số đăng ký: 98B1.285.91.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2019)

[3] **Án phí:** Các bị cáo Phan Thủy T, Trần Văn U mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Bị cáo;
- Lưu HS,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung